

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Châu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 276/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Y T NIÊ (Tên gọi khác: B). Do có kháng cáo của bị cáo Y T NIÊ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 307/2023/HS-ST ngày 27/09/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

1. Bị cáo: **Y T NIÊ** (Tên gọi khác: Bui); Sinh ngày 17/6/1997; Tại tỉnh Đăk Lăk; Nơi cư trú: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Ê Đê; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Y Oanh N1 (Tên gọi khác: Nguyễn Tấn O, đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1965; Có vợ Lâm Thị Hoàng L, sinh năm 2000, có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/7/2022 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Công T - Luật sư Văn phòng L1, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt). Địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

2. Bị hại: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1995 (Vắng mặt). Nơi ĐKKHKT: Đội 7, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã E, TP., tỉnh Đăk Lăk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Võ Đình D – Luật sư Văn phòng L2, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đ (Vắng mặt). Địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Nhưng không triệu tập đến phiên tòa).

3.1. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1992. Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Nơi ở hiện nay: Thôn G, xã C, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

3.2. Bà Trần Thị S, sinh năm 1965. Địa chỉ: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Ông Đặng Quang H, sinh năm 1999. Nơi ĐKHKTT: Buôn Nặc, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện nay: Số G L, phường A, quận G, TP ..

3.4. Ông Trần Đình V1, sinh năm 1997. Nơi ĐKHKTT: Buôn Tuôr A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện nay: P, số A tổ C khu phố B, phường T, quận A, TP ..

3.5. Bà Lâm Thị Hoàng L, sinh năm 2000. Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Nơi ở hiện nay: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 09/3/2022 Y T NIÊ sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh gắn sim 0879643973 rồi vào ứng dụng mạng xã hội Z và mở mục tìm kiếm quanh đây để tìm gái bán dâm mục đích là để chiếm đoạt tài sản của những người này. Qua tìm kiếm Y T NIÊ làm quen kết bạn với chị Nguyễn Thị V, Y T NIÊ nói sẽ cho chị V số tiền 30.000.000 đồng/1 tháng với điều kiện hai người phải gặp nhau vài lần 01/tuần (tức làm gái Suger Baby) thì chị V đồng ý. Sau đó, hai người hẹn gặp nhau ở nhà nghỉ để trao đổi thống nhất về việc chị V làm gái (S) cho Y T NIÊ. Khoảng 08 giờ cùng ngày Y T NIÊ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade (chưa xác định được biển số) đến trung tâm thành phố B tìm nhà nghỉ. Khi đi đến ngã ba D thuộc phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Y T NIÊ gọi điện thoại cho anh Hoàng H1 (là chủ nhà nghỉ Hoàng Thiên A) để đặt phòng và xin địa chỉ để gửi cho chị V. Sau đó, anh H1 nhắn tin địa chỉ nhà nghỉ Q cho Y T NIÊ rồi Y T chuyển tiếp qua Z cho chị V biết. Khi đến nhà nghỉ H2, địa chỉ C Hồ T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Y T được anh H1 cho thuê phòng số 07. Y T NIÊ cầm chìa khoá phòng và dặn anh H1 “T3 nữa bạn gái em tới anh chỉ giúp lên phòng nha” rồi Y T NIÊ đi lên tầng 02 và vào phòng số 07 cởi áo khoác bỏ lên giường ngủ, sau đó Y T NIÊ đi ra ngoài quan sát xem chị V có đi cùng với ai đến không. Khoảng 20 phút sau, chị V đi xe mô tô nhãn hiệu Honda SH đến và được anh H1 hướng dẫn lên phòng số 07. Khi đi lên cầu thang thì chị V gặp Y T NIÊ, lúc này Y T NIÊ nói chị V “Vào phòng đi đứng đây làm gì”. Khi chị V vừa vào phòng thì Y T NIÊ đóng và khoá cửa lại rồi dọa “Tao là hình sự đây”, tiếp đến Y T giả vờ gọi điện thoại nói “Mấy anh em đứng ở dưới đó chờ tôi, khi nào có lệnh của tôi thì mới được lên”, nói xong Y T NIÊ lấy trong túi quần sau bên trái ra 01 con dao (chị V khai là dao Thái Lan, còn Y T NIÊ lúc khai dao bấm, lúc khai dao Thái Lan) rồi chĩa mũi dao về phía cổ bên trái của chị V đe dọa “Đưa điện thoại đây, mày còn tiền không đưa tao hai mươi triệu”, chị V sợ van xin “Em không có anh ơi, anh tha cho em”, Y T NIÊ dọa tiếp “ Tao nói mày nè, giờ nhờ ai chuyển khoản đi không thì mệt đó”. Sau đó, Y T NIÊ nói “Mày lấy toàn bộ giấy tờ trong túi xách mày ra để tao kiểm tra coi có tiền bạc gì hay không”. Sau đó, Y T NIÊ kiểm tra trong túi xách của chị V thấy có một số giấy tờ tùy thân và mấy trăm nghìn đồng cùng 01 bao cao su nên Y T NIÊ trả lại các tài sản và giấy tờ trên cho chị V. Lúc này, Y T NIÊ dùng điện thoại di động của Y T NIÊ chụp lại toàn bộ hình ảnh

giấy tờ tùy thân của chị V rồi nói “Giờ nhờ ai chuyển tiền đi, chuyển cho tao hai mươi triệu vào tài khoản, nếu mày không chuyển thì tao gọi điện thoại cho bố và bố mẹ mày”, bị đe dọa uy hiếp tinh thần nên chị V sợ gọi điện thoại qua ứng dụng mạng xã hội Messenger cho chị Phạm Thị T1 thì chị T1 đồng ý. Khi biết chị V đã mượn được tiền thì Y T NIÊ gọi điện thoại cho anh họ là Đặng Quang H (anh họ của Y T NIÊ) xin số tài khoản ngân hàng thì anh H đồng ý và cung cấp tài khoản là 33333333332, ngân hàng V2. Sau đó, chị T1 chuyển số tiền 9.200.000 đồng vào tài khoản của anh H. Sau khi chiếm đoạt được của chị V số tiền 9.200.000 đồng, Y T NIÊ yêu cầu chị V mở tài khoản Smart Banking A1 để kiểm tra thì thấy trong tài khoản có số tiền hơn 6.000.000 đồng. Y T yêu cầu chị V chuyển hết số tiền trên nhưng chị V nói đang chăm con bị đau nằm điều trị ở Bệnh viện H3 – Cu Ba, nghe vậy Y T NIÊ nói chị V gọi điện thoại cho bác sỹ điều trị để xác nhận. Chị V gọi điện thoại cho bác sỹ Nguyễn Hoàng T4 rồi đưa điện thoại cho Y T NIÊ nói chuyện. Sau khi xác nhận đúng con chị V điều trị bệnh thì Y T yêu cầu chuyển 4.000.000 đồng vào tài khoản của anh H.

Tại Cơ quan điều tra: Theo lời khai của chị V sau khi bị Y T NIÊ chiếm đoạt số tiền 13.200.000 đồng thì chị V tiếp tục bị Y T NIÊ đe dọa buộc phải quan hệ, sau khi quan hệ tình dục xong Y T2 tiếp tục sử dụng điện thoại chụp hình chị V đang khoả thân và dọa “Nếu mày báo Công an hoặc làm gì thì tao sẽ đăng hình ảnh của mày lên mạng xã hội cho mày hót nhất đêm nay” rồi Y T NIÊ bỏ đi.

Theo lời khai của Y T NIÊ vào các ngày 26/4/2022; 27/4/2022; 28/4/2022; 29/4/2022 và 05/5/2022, Y T NIÊ khai nhận hành vi phạm tội như nội dung chị V đã trình báo. Đối với con dao sử dụng để đe dọa chị V, sau khi thực hiện hành vi phạm tội Y T NIÊ đã vứt bỏ ở nương nước thủy lợi trên đường T thuộc tổ dân phố A, phường K, thành phố B. Cơ quan điều tra đã tiến hành tìm kiếm khu vực nơi Y T NIÊ vứt bỏ dao nhưng không phát hiện tạm giữ con dao nào có đặc điểm như trên. Sau đó, vào các lần làm việc tiếp theo Y T thay đổi lời khai, Y T NIÊ khai sau khi vào phòng thì Y T NIÊ và chị V tự nguyện quan hệ tình dục với nhau xong, Y T NIÊ dọa chị V là Cảnh sát hình sự làm cho chị V sợ rồi chiếm đoạt số tiền 13.200.000 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Y T NIÊ trả tiền thuê phòng nghỉ rồi bỏ trốn đến thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây Y T NIÊ gặp và cho em họ là Trần Đình V1, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh của bị cáo sử dụng để phạm tội, còn số tiền đã chiếm đoạt được của chị V, bị cáo Y T NIÊ tiêu xài hết 10.700.000 đồng, số tiền còn lại 2.500.000 đồng Y T NIÊ trả nợ cho anh họ là Đặng Quang H.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 307/2023/HS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Y T NIÊ (Tên gọi khác: B) phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Y T NIÊ (Tên gọi khác: B) 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 21/7/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2023, bị cáo Y T NIÊ nộp đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với tội Cướp tài sản và mức án 08 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Y T NIÊ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nhưng không đồng ý với tội cướp tài sản mà nội dung Bản cáo trạng và Bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Công T cho rằng với hành vi mà bị cáo Y T NIÊ thực hiện, thì bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” chứ không phạm tội “Cướp tài sản”.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Y T NIÊ về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015. Là chưa xem xét toàn diện các chứng cứ, cụ thể: Chưa làm rõ hung khí mà bị cáo Y T NIÊ kê dao vào cổ bị hại chị V là dao bấm hay dao thái lan. Bị cáo Y T NIÊ đã có hành vi khóa chặt cửa phòng số 7 dùng thủ đoạn nguy hiểm để dọa bị hại và giả danh là Cảnh sát hình sự, để chiếm đoạt 13.200.000 đồng của bị hại chị V, có trước hay có sau khi bị cáo có hành vi quan hệ tình dục với chị V thì mới chiếm đoạt tài sản. Từ phân tích nhận định trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự hủy bản án hình sự sơ thẩm số: 307/2023/HS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận gì và giữ nguyên nội dung kháng cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hình phạt một cách hợp lý đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. **Về tố tụng:** Ngày 03/10/2023, bị cáo Y T NIÊ nộp đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số: 307/2023/HS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Với nội dung không đồng ý với tội “cướp tài sản” và mức án 08 năm 06 tháng tù. Như vậy, kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn luật định. Do đó Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Nguyễn Thị V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Luật sư Võ Đình D, tuy nhiên những người tham gia tố tụng trên đã được tòa án triệu tập hợp lệ và không phải trường hợp phải hoãn phiên tòa được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 352 Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

2. **Về tội danh:** Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Y T NIÊ khai báo quanh co, luôn thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu nhưng bị cáo đều thừa nhận hành vi không chế chị V khiến chị V lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản. Mặt khác căn cứ vào các bản tự khai, lời khai nhận tội của bị cáo thể hiện tại các bút lục trong hồ sơ vụ án từ số (179; 180; 181; 182; 189; 190; 197; 198; 199; 203; 206; 450 và 454) thì bị cáo Y T NIÊ đã khai nhận

một cách rất tỉ mỉ, chi tiết, từng hành động lời nói, hung khí sử dụng, tài sản chiếm đoạt mà chỉ có bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội mới khai báo được những tình tiết như vậy. Lời khai nhận tội trên của bị cáo về cơ bản là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và các nhân chứng như anh H1 là chủ nhà nghỉ hay như chị T1 là người chuyển tiền vào tài khoản của anh H theo yêu cầu của bị cáo và còn phù hợp về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, do đó có đủ căn cứ để kết luận: Vào sáng ngày 09/3/2022 tại phòng trọ số 7 nhà nghỉ H2, địa chỉ số C Hồ T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Y T NIÊ đã có hành vi khóa chặt cửa phòng số 7 dùng dao kê vào cổ, dùng thủ đoạn nguy hiểm để dọa bị hại giả là Cảnh sát hình sự, chụp hình giấy tờ tùy thân của bị hại để uy hiếp tinh thần chị Nguyễn Thị V làm cho chị V lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt số tiền 13.200.000 đồng.

Hành vi mà bị cáo Y T NIÊ đã thực hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Như vậy quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, của luật sư Lê Công T bào chữa cho bị cáo trái với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[2]. Xét kháng cáo về hình phạt của bị cáo Y T NIÊ thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo phạm tội có tình tiết định khung hình phạt, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, nhận định về tính chất của hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và căn cứ vào nhân thân, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Để từ đó xử phạt bị cáo Y T NIÊ 08 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản là có căn cứ, thỏa đáng và không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Với những nội dung đã được nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y T NIÊ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh, điều luật và hình phạt đối với bị cáo Y T NIÊ.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo Y T NIÊ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y T NIÊ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 307/2023/HS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Y T NIÊ (*Tên gọi khác: B*) 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/7/2022.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Y T NIÊ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng